

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

-----000-----

Số: 18b/2017CV-TTZ

Thái bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và
sau kiểm toán trong BCTC hợp nhất năm 2016.

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình sự chênh lệch trong số liệu trọng yếu trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu thay đổi trên bảng cân đối kế toán	Mã chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
1	Phải thu khách hàng	131	28,823,910,238	28,303,377,238	520,533,000
2	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1,428,438,735)	(1,579,125,052)	150,586,317
3	Doanh thu hoạt động chính	01	87,810,062,062	89,976,777,465	2,166,715,455
4	Giá vốn bán hàng	11	72,337,863,104	76,407,517,395	4,069,654,291
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4,982,807,462	5,236,077,761	253,270,299
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	60	3,768,210,655	3,509,820,384	258,390,271

Nguyên nhân:

+ Toàn bộ các chỉ tiêu chênh lệch trọng yếu trên bao gồm: Các khoản phải thu của khách hàng; Dự phòng phải thu khó đòi; Doanh thu hoạt động chính; Giá vốn hàng bán, Chi phí quản lý doanh nghiệp; Thuế và các khoản phải nộp nhà nước; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là chênh lệch từ BCTC của công mẹ. Đã được giải trình chi tiết chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán BCTC năm 2016 công ty mẹ.

+ Không có chênh lệch trước và sau kiểm toán tại báo cáo của các công ty con.

+ Có một số chỉ tiêu trên BCTC hợp nhất sau kiểm toán bị lệch so với số liệu trên BCTC đã lập trước kiểm toán là do công ty hạch toán bù trừ những giao dịch nội bộ (giữa công mẹ và các công ty con) bị sai sót.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Quyết	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên
Bà Lê Ngọc Anh	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Ty

Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787

W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 163 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**

**Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29/03/2017, từ trang 03 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Ngọc Bình

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Bùi Thị Phương

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2013-156-1

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.161.756.662	49.757.735.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.690.094.653	1.345.471.213
1. Tiền	111		12.690.094.653	1.345.471.213
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.714.110.422	20.914.370.848
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	28.303.377.238	17.526.669.208
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		621.395.729	2.366.263.250
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	7.300.000.000	1.800.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		68.462.507	20.375.999
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.579.125.052)	(798.937.609)
III. Hàng tồn kho	140	9	29.764.252.805	26.188.835.365
1. Hàng tồn kho	141		29.764.252.805	26.188.835.365
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.993.298.782	1.309.057.729
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	551.602.632	1.303.244.760
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.441.696.150	5.812.969
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.924.397.529	17.310.458.894
I. Tài sản cố định	220		29.352.761.467	16.752.453.004
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	29.352.761.467	16.752.453.004
- Nguyên giá	222		37.805.505.713	22.796.537.801
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.452.744.246)	(6.044.084.797)
II. Tài sản dài hạn khác	260		571.636.062	558.005.890
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	452.054.226	540.671.674
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		119.581.836	17.334.216
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		109.086.154.191	67.068.194.049

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		30.235.993.780	9.227.854.022
I. Nợ ngắn hạn	310		29.068.493.780	9.227.854.022
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	17.274.053.794	7.304.061.102
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	5.875.176.410	162.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.688.024.326	1.432.408.080
4. Phải trả người lao động	314		-	192.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		250.730.000	137.384.840
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	3.980.509.250	-
II. Nợ dài hạn	330		1.167.500.000	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	1.167.500.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.850.160.411	57.840.340.027
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	78.850.160.411	57.840.340.027
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.000.000.000	52.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.850.160.411	5.340.340.027
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.340.340.027	3.994.080.385
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.509.820.384	1.346.259.642
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		109.086.154.191	67.068.194.049



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		89.976.777.465	74.470.822.510
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	89.976.777.465	74.470.822.510
4. Giá vốn hàng bán	11	20	76.407.517.395	63.434.620.945
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.569.260.070	11.036.201.565
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		109.347.490	2.731.572
7. Chi phí tài chính	22		403.657.440	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		403.657.440	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
7. Chi phí bán hàng	25	21	3.042.926.877	3.009.073.988
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	5.236.077.761	4.950.622.515
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		4.995.945.482	3.079.236.634
10. Thu nhập khác	31	22	4.034.150.820	-
11. Chi phí khác	32	23	4.442.723.165	254.879.785
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(408.572.345)	(254.879.785)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.587.373.137	2.824.356.849
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.179.800.373	657.153.079
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(102.247.620)	(17.334.216)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.509.820.384	2.184.537.986
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	667	416



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	Mã	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.587.373.137	2.824.356.849
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	2.411.065.721	1.470.398.237
- Các khoản dự phòng	03	780.187.443	798.937.609
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	210.974.820	72.978.606
- Chi phí lãi vay	06	403.657.440	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	2.108.061.999	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.501.320.560	5.166.671.301
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(10.515.810.198)	4.173.110.116
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6.262.140.544)	(5.188.784.283)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	15.421.119.644	862.773.548
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	840.259.576	(1.211.262.321)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(403.657.440)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(819.434.417)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.761.657.181	3.802.508.361
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.722.061.899)	(3.035.744.373)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	50.000.000	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.500.000.000)	(1.800.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	107.018.908	2.731.572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.065.042.991)	(4.733.012.801)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	17.500.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	12.140.715.076	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.992.705.826)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	22.648.009.250	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	11.344.623.440	(930.504.440)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.345.471.213	2.275.975.653
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	12.690.094.653	1.345.471.213



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 VND. Trong năm công ty đã tăng vốn điều lệ lên 70.000.000.000 VND, tuy nhiên chưa thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 135 người (tại 31 tháng 12 năm 2015 là 120 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Mẹ là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rầm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

Trong năm, Công ty đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La tại tỉnh Sơn La, với tổng vốn đã góp là 3.056.000.000 VND. Năm 2016 Công ty mới bắt đầu đi vào hoạt động nên chưa phát sinh doanh thu.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam	Hà Nội	100%	90%	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và kinh doanh thương mại
Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng VND Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đặc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2016 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	14-19
Máy móc thiết bị	8-14
Phương tiện vận tải	7-10

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là lớp xe, dầu máy và các chi phí trả trước dài hạn khác như công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 6 tháng đến 36 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi VND thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.970.471.114	1.313.674.017
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.719.623.539	31.797.196
Cộng	12.690.094.653	1.345.471.213

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Thiên An Sơn	4.734.500.539	4.418.458.724
Công ty ô tô Đức Nam	4.735.000.000	-
Công ty TNHH Hiệp Hòa	3.479.400.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải và Xây dựng thương mại Minh Hoàng	2.232.450.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn quản lý dự án xây dựng CMAXX	2.212.614.000	-
Công ty TNHH Long Triều	1.151.100.003	1.301.100.003
Công ty CP ĐTXD và Thiết kế Phú Thăng Long	-	2.797.589.400
Nguyễn Huy Hoàng	-	1.415.000.000
Các đối tượng khác	9.758.312.696	7.594.521.081
	28.303.377.238	17.526.669.208

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Long Triều	1.151.100.003	-	1.301.100.003	650.550.002
Công ty TNHH Thành Thiêm	-	-	63.810.595	31.905.298
Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	182.964.620	-	232.964.620	116.482.310
Công ty CP Taseo Nam Thái	56.608.000	-	56.608.000	56.608.000
CTY CP đầu tư Tân Phú	81.616.903	-	81.616.903	81.616.903
Đối tượng khác	119.087.376	12.251.850	-	-
Cộng	1.591.376.902	12.251.850	1.736.100.121	937.162.512

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.300.000.000	7.300.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Cho vay cá nhân				
- Trần Thị Lương (i)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
- Nguyễn Thị Hương (ii)	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
- Nguyễn Thị Liên (iii)	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-

Ghi chú:

- (i) Theo hợp VND số 09/HĐ/Trần Thị Lương - Công ty Sudev ngày 25/11/2016, thời hạn vay 5 tháng, không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay 5%/năm.
- (ii) Theo hợp VND số 01-2015/VSUDEV ngày 03 tháng 08 năm 2015 và phụ lục ngày 3/2/2016, thời hạn vay 1 năm, không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay 5%/năm.
- (iii) Theo hợp VND số 01/HĐ/Nguyễn Thị Liên-Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Tiên Trung Sơn La ngày 25/06/2016 và phụ lục ngày 25/12/2016, thời hạn vay 6 tháng, không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay 7,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.408.223.072	-	992.206.100	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	7.503.053.554	-	9.923.011.892	-
Hàng hóa	19.852.976.179	-	15.273.617.373	-
Cộng	29.764.252.805	-	26.188.835.365	-

Ghi chú:

(i) Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành do điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư bổ sung vùng nguyên liệu. Dự kiến trong năm 2017, sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình (Công ty con) quản lý và sử dụng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	551.602.632	1.303.244.760
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	551.602.632	1.303.244.760
b) Dài hạn	452.054.226	540.671.674
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	452.054.226	540.671.674

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	13.145.697.673	2.876.147.186	6.774.692.942	22.796.537.801
- Tăng trong năm	-	562.182.182	8.129.120.132	8.691.302.314
- XDCB hoàn thành	7.740.315.743	-	-	7.740.315.743
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(370.400.000)	(370.400.000)
- Thiệt hại do bão (i)	(1.052.250.145)	-	-	(1.052.250.145)
Số dư cuối năm	19.833.763.271	3.438.329.368	14.533.413.074	37.805.505.713
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.144.415.156	1.529.274.272	2.370.395.369	6.044.084.797
- Khấu hao trong năm	952.947.232	298.610.826	1.159.507.663	2.411.065.721
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.406.272)	(2.406.272)
Số dư cuối năm	3.097.362.388	1.827.885.098	3.527.496.760	8.452.744.246
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	11.001.282.517	1.346.872.914	4.404.297.573	16.752.453.004
Số dư cuối năm	16.736.400.883	1.610.444.270	11.005.916.314	29.352.761.467

Ghi chú:

(i) Thiệt hại do cơn bão số 01. Chi tiết xem Thuyết minh số 23- Chi phí khác.

(ii) Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 2.194.989.968 VND.

(iii) Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 280.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Công ty TNHH ô tô và thiết bị Thiên Trường Long	3.207.495.859	3.207.495.859	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH Thương mại và vận tải Thiệp Mơ	2.385.402.500	2.385.402.500	-	-
Công ty CP cơ khí thương mại Anh Tiến	1.731.393.756	1.731.393.756	-	-
Công ty TNHH thương mại và sản xuất thép Chiến Thắng	1.539.997.360	1.539.997.360	-	-
Công ty CP gốm sứ Việt Thái	1.375.000.000	1.375.000.000	-	-
Công ty TNHH Xuân Chuyên	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại hợp tác đầu tư T&C	1.044.345.160	1.044.345.160	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dũng Hiền	250.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH Thương mại Đức Thanh	168.446.520	168.446.520	471.260.100	471.260.100
Công ty CP TM XNK Xăng dầu Đại Dương	-	-	2.750.032.745	2.750.032.745
Đối tượng khác	4.471.972.639	4.471.972.639	2.602.768.257	2.602.768.257
	17.274.053.794	17.574.053.794	7.304.061.102	7.304.061.102

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu HTC	4.650.000.000	-
Các đối tượng khác	1.225.176.410	162.000.000
	5.875.176.410	162.000.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	154.996.969	1.115.602.761	1.270.599.730	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.272.834.270	1.179.800.373	819.434.417	1.633.200.226
Thuế thu nhập cá nhân	4.576.841	-	-	4.576.841
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	50.247.259	-	50.247.259
Cộng	1.432.408.080	2.345.650.393	2.090.034.147	1.688.024.326

**G TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
G NGHỆ TIẾN TRUNG**

ây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

uyệt minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.669.259.250	3.669.259.250	6.701.455.826	10.370.715.076	-	-
Ngân hàng TP Bank (i)	3.669.259.250	3.669.259.250	3.641.455.826	7.310.715.076	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	3.060.000.000	3.060.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	311.250.000	311.250.000	291.250.000	602.500.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ii)	240.000.000	240.000.000	220.000.000	460.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (ii)	71.250.000	71.250.000	71.250.000	142.500.000	-	-
Cộng	3.980.509.250	3.980.509.250	6.992.705.826	10.973.215.076	-	-

Chí chú:

(i) Hợp VND hạn mức tín dụng số 251-03.16/HĐTD/TPBANK.HMI ngày 23/03/2016, thời hạn 12 tháng. Khoản vay được thực hiện theo khế ước số 01/251-03.16/GNN ngày 02/03/2016, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh, thanh toán tiền hàng. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 (Bất động sản thuộc sở hữu của thành viên hội VND quản trị).

(ii) Chi tiết xem Thuyết Minh số 16 – Vay và nợ thuế tài chính dài hạn.

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	1.167.500.000	1.167.500.000	-	1.167.500.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (i)	740.000.000	740.000.000	-	740.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (ii)	427.500.000	427.500.000	-	427.500.000	-	-
Cộng	1.167.500.000	1.167.500.000	-	1.167.500.000	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(i) Hợp VND tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Hyundai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.

(ii) Hợp VND tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô tải biển số 17C-06656

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	311.250.000	-
Trong năm thứ hai	311.250.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	856.250.000	-
Sau năm năm	-	-
	1.478.750.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	311.250.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	1.167.500.000	-

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	52.500.000.000	3.155.802.041	55.655.802.041
Lãi trong năm	-	2.184.537.986	2.184.537.986
Số dư đầu năm nay	52.500.000.000	5.340.340.027	57.840.340.027
Tăng vốn trong năm (i)	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Lãi trong năm	-	3.509.820.384	3.509.820.384
Số dư cuối năm	70.000.000.000	8.850.160.411	78.850.160.411

Ghi chú:

(i) Thực hiện Nghị quyết Đại hội VND cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2016, Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ ra công chúng. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 1.750.000; giá trị tương đương 17.500.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty đến thời điểm 31/12/2016 là 70.000.000.000 VND, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh theo vốn điều lệ mới.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	5.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào khai thác đất, đá, cát, sỏi, sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng. Không có các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác, theo đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Do Công ty không hoạt động tại các địa điểm khác nhau, do đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	65.423.631.124	43.914.371.768
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.553.146.341	30.556.450.742
Cộng	89.976.777.465	74.470.822.510

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
Giá vốn hàng đã bán	58.464.078.508	37.073.264.661
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	17.943.438.887	26.361.356.284
Cộng	76.407.517.395	63.434.620.945

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí xăng dầu	2.592.082.816	2.661.860.746
Chi phí khấu hao TSCĐ	450.844.061	337.048.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	964.480
Chi phí bằng tiền khác	-	9.200.000
Cộng	3.042.926.877	3.009.073.988

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.013.206.160	1.544.509.200
Chi phí đồ dùng văn phòng	599.825.374	911.701.693
Chi phí khấu hao TSCĐ	857.725.752	346.902.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	825.976.227	752.227.811
Chi phí dự phòng	780.187.443	798.937.609
Chi phí bằng tiền khác	159.156.805	596.343.811
Cộng	5.236.077.761	4.950.622.515

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác	4.034.150.820	-
Cộng	4.034.150.820	-

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	322.539.183	254.879.785
Giá trị tài sản thiệt hại do thiên tai (i)	3.738.973.249	-
Các khoản khác	381.210.733	-
Cộng	4.442.723.165	254.879.785

Ghi chú:

- (i) Thiệt hại do cơn bão số 01 (Bão số 01 tên quốc tế là Mirinae đã đổ bộ vào đất liền gây ra mưa to ở các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng) bao gồm các thiệt hại về nhà xưởng, nhà kho, hàng hóa (bị tốc mái, đổ tường rào, hư hỏng nặng). Danh sách các tài sản thiệt hại đã được Chính quyền địa phương xác nhận, VND thời Công ty đã thuê công ty thẩm định giá xác định giá trị còn lại của tài sản bị thiệt hại.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	23.396.202.316	19.377.128.076
Chi phí nhân công;	5.844.489.200	11.417.105.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	2.411.065.721	1.470.398.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	1.433.305.514	1.304.962.171
Dự phòng	780.187.443	798.937.609
Chi phí khác bằng tiền.	175.062.805	605.543.811
Cộng	34.040.312.999	34.974.075.862

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	2.338.461.927	1.955.678.525
Thu nhập chịu thuế	2.388.787.054	1.955.678.525
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung năm trước	104.684.700	0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty mẹ	582.442.111	430.249.276
Công ty con		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	2.986.791.310	1.134.519.012
Thu nhập chịu thuế	2.986.791.310	1.134.519.012
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty con	597.358.262	226.903.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hợp nhất	1.179.800.373	657.153.079

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận (Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.509.820.384	2.184.537.986
Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.264.344	5.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	667	416

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2016. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, Công ty không chia quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	5.148.009.250	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(12.690.094.653)	(1.345.471.213)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	78.850.160.411	57.840.340.027
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.690.094.653	1.345.471.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.092.714.693	14.898.107.598
Tổng cộng	46.782.809.346	16.243.578.811
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.148.009.250	-
Phải trả người bán và phải trả khác	17.524.783.794	7.441.445.942
Tổng cộng	22.672.793.044	7.441.445.942

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp VND dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp VND còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.690.094.653	-	12.690.094.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.092.714.693	-	34.092.714.693
Tổng cộng	46.782.809.346	-	46.782.809.346
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	17.524.783.794	-	17.524.783.794
Các khoản vay	3.980.509.250	1.167.500.000	5.148.009.250
Tổng cộng	26.653.302.294	1.167.500.000	27.820.802.294
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.129.507.052	(1.167.500.000)	18.962.007.052
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.345.471.213	-	1.345.471.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.898.107.598	-	14.898.107.598
Tổng cộng	16.243.578.811	-	16.243.578.811
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.441.445.942	-	7.441.445.942
Tổng cộng	7.441.445.942	-	7.441.445.942
Chênh lệch thanh khoản thuần	8.802.132.869	-	8.802.132.869

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc VND thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

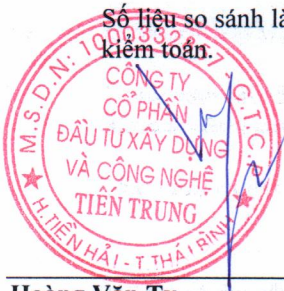
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, Công ty không có giao dịch và không có số dư nào với các bên liên quan, ngoại trừ phần thu nhập của Ban Giám đốc dưới đây:

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thu nhập Ban Giám đốc	108.000.000	416.600.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

